

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 23 tháng 01, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	KCB	22/01/2026	11.9	734.200	107.853	6.81
2	LAS	22/01/2026	17.9	2.274.300	395.830	5.75
3	DCM	22/01/2026	37.95	10.965.800	2.429.480	4.51
4	MML	22/01/2026	38.8	573.000	130.813	4.38
5	DPM	22/01/2026	25.85	18.892.400	4.520.237	4.18
6	VOS	22/01/2026	14.3	4.522.500	1.157.533	3.91
7	PLC	22/01/2026	35.8	1.857.600	497.323	3.74
8	QTP	22/01/2026	13.8	1.307.600	354.240	3.69
9	APG	22/01/2026	10.25	1.146.200	315.820	3.63
10	CSV	22/01/2026	32.05	2.401.700	688.040	3.49
11	FOX	22/01/2026	95.5	1.694.700	499.307	3.39
12	AGG	22/01/2026	15.15	1.408.500	450.367	3.13
13	DDV	22/01/2026	28.6	3.814.000	1.241.243	03.07
14	DXP	22/01/2026	11.7	893.100	304.490	2.93
15	NHA	22/01/2026	15.9	543.800	190.703	2.85
16	DXG	22/01/2026	15.75	39.056.400	13.876.103	2.81
17	VTO	22/01/2026	12.1	589.400	210.287	2.8
18	DSE	22/01/2026	24.7	1.151.400	415.860	2.77
19	AAS	22/01/2026	11.2	7.329.200	2.667.550	2.75
20	PHP	22/01/2026	37.5	525.100	200.557	2.62
21	SGP	22/01/2026	29	512.800	199.110	2.58
22	NDN	22/01/2026	11.9	531.100	207.673	2.56
23	SCS	22/01/2026	57.1	879.200	348.673	2.52
24	HHS	22/01/2026	11.75	4.705.500	1.910.523	2.46
25	NTL	22/01/2026	18.5	3.641.300	1.515.690	02.04
26	CEO	22/01/2026	20.6	31.687.400	14.074.867	2.25
27	BID	22/01/2026	52	18.089.900	8.417.977	2.15
28	DHC	22/01/2026	34.8	646.000	302.817	2.13



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	22/01/2026	8.11	1.729.470	54.18	7.76	4.46
2	ACB	22/01/2026	24.85	15.978.690	54.72	23.73	4.74
3	ACV	22/01/2026	60.4	4.811.830	63.39	56.68	6.57
4	AGR	22/01/2026	16.35	2.294.550	46.94	16.11	1.48
5	BMI	22/01/2026	19.05	871.650	57.5	18.71	1.82
6	BVB	22/01/2026	14	4.229.060	58.56	13.62	2.83
7	CII	22/01/2026	19.15	21.452.770	39.64	19.08	0.36
8	CTI	22/01/2026	23.75	586.950	63.6	23.43	1.37
9	DBC	22/01/2026	28.6	7.715.150	59.21	27.03	5.81
10	DDV	22/01/2026	28.6	2.084.760	60.25	27.83	2.77
11	DRI	22/01/2026	12.2	2.267.330	40.26	12.1	0.85
12	EVF	22/01/2026	12.05	4.894.860	60.89	11.94	0.89
13	FPT	22/01/2026	103.5	12.124.530	61.69	99.42	4.1
14	HAH	22/01/2026	59	2.459.360	50.57	56.03	5.3
15	HNG	22/01/2026	06.05	8.912.050	54.73	6.15	5.73
16	HPG	22/01/2026	26.85	49.542.688	49.39	25.5	5.28
17	HUT	22/01/2026	15.9	1.717.020	47.87	15.67	1.49
18	KHG	22/01/2026	7.14	20.452.710	52.44	6.7	6.51
19	LCG	22/01/2026	10.65	2.809.910	56.7	10.1	5.49
20	LPB	22/01/2026	43.3	2.118.310	52.37	40.48	6.96
21	MSN	22/01/2026	79.9	9.186.410	58.17	74.76	6.87
22	NAB	22/01/2026	14.7	1.591.770	54.08	14.39	2.15
23	NKG	22/01/2026	15.45	7.065.240	50.15	15.21	1.55
24	NRC	22/01/2026	6	875.730	56.28	5.69	5.42
25	NTP	22/01/2026	64	952.920	46.07	61.91	3.37
26	OCB	22/01/2026	11.95	3.016.890	45.38	11.69	2.26
27	PAN	22/01/2026	28.9	1.227.410	61.22	28.8	0.35



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DCL	53	50.2	756.510
2	STB	63.5	62.1	18548100

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAS	11.2	10.8	2.808.570
2	DCM	37.95	36.7	4.394.180
3	DPM	25.85	24.9	7964150
4	LAS	17.9	17.8	827.420
5	MML	38.8	38.1	219.840
6	POM	6.9	6	2.671.870
7	SCS	57.1	56.2	533.450
8	TIG	9.1	8.8	1.132.250
9	VOS	14.3	13.95	2.064.920

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DRL	45.9	45.8	18.870
2	IFS	16.5	14.6	10.770
3	SGT	15.2	15	36.920
4	SZE	9.6	8.3	25.140

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CHP	28	28.2	73.990
2	DRL	45.9	45.95	18.870
3	IFS	16.5	18.02	10.770
4	MPC	16	16.3	56.120
5	SBB	15.9	16	15.160
6	SGT	15.2	15.25	36.920
7	SZE	9.6	9.7	25.140
8	VEF	114.5	116	33.800



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAS	11.2	10.22	2.808.570
2	CII	19.15	19.08	21.452.770
3	CTI	23.75	23.43	586950
4	DDV	28.6	27.83	2.084.760
5	EVF	12.5	11.94	4.894.860
6	HUT	15.9	15.67	1.717.020
7	SCS	57.1	55.95	533.450
8	SIP	58.1	56.97	722.650

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AGG	15.15	15.06	546.520
2	DSE	24.7	23.29	540.930
3	EVF	12.5	11.65	4894860
4	FIT	4.9	4.84	774.000
5	HPG	26.85	26.82	49.542.688
6	HSG	16.65	16.38	5.237.260
7	LCG	10.65	10.38	2.809.910
8	MSB	12.6	12.55	8.234.200
9	NTL	18.5	17.52	1924330
10	OGC	4	3.88	613950
11	QCG	14.6	14.57	1011450
12	SSB	17.7	17.44	2432120

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ANV	26.8	26.22	1.493.180
2	CEO	20.6	20.35	19.192.150
3	DSE	24.7	23.57	540930
4	HBC	6.4	6.37	1.560.720
5	HDC	22.8	22.09	4.494.070
7	HHV	12.9	12.87	5734760
8	HPG	26.85	26.81	49542688
9	HUT	15.9	15.88	1717020
10	IDJ	4.9	4.89	662160
11	IJC	11.5	10.9	4400620
12	KHG	7.14	6.98	20452710
13	KSB	17.3	17.23	1399860
14	MSB	12.6	12.54	8234200
15	NKG	15.45	15.26	7065240
16	NLG	30.8	30.6	4064770
17	NRC	6	5.86	875730
18	NTL	18.5	18.22	1924330
19	RYG	10.4	10.03	657900
20	SBS	6.2	6.17	1335590
21	SSB	17.7	17.54	2432120
22	TPB	17.4	17.33	15491780
23	TTF	3.15	03.07	1580620
24	VDS	17.35	17.02	1501700



Cổ phiếu cắt xuống
dưới các đường trung
bình phát tín hiệu bán
khi giá có thể giảm sâu
hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HCM	23.65	23.75	33.423.600

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HCM	23.65	23.76	33.423.600
2	LDG	4.15	4.16	2.091.990

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	KLB	16	16.1	1.269.250



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	22/01/2026	14.15	13.95	14.35	2.87	62,720
2	ODE	22/01/2026	46.4	45.3	46.8	3.31	18,360
3	RAL	22/01/2026	94.3	90.5	95.4	5.41	13,520
4	SMB	22/01/2026	39.6	38.85	40.95	5.41	16,120
5	CLL	22/01/2026	30.7	30.1	31.9	5.98	18,040
6	HMC	22/01/2026	11.55	11.25	12	6.67	11,820
7	TCW	22/01/2026	32.6	30.9	33	6.8	5,460
8	USD	22/01/2026	18	17.3	18.5	6.94	5,260
9	CHP	22/01/2026	28	28	29.95	6.96	90,220
10	VSH	22/01/2026	44.4	41.91	45	7.37	6,520
11	VPD	22/01/2026	26	24.95	26.8	7.41	18,300
12	SCG	22/01/2026	65.3	62.1	66.8	7.57	24,620
13	SHP	22/01/2026	34.5	33	35.6	7.88	15,620
14	PPC	22/01/2026	10.25	9.6	10.4	8.33	431,280
15	PPH	22/01/2026	27.8	26.18	28.37	8.37	6,600
16	DRL	22/01/2026	45.9	45.8	49.87	8.89	13,980
17	TDC	22/01/2026	11.6	11.25	12.25	8.89	193,000
18	GDT	22/01/2026	19.75	18.75	20.42	8.91	13,420
19	TCL	22/01/2026	35.5	33.3	36.35	9.16	34,700
20	SSB	22/01/2026	17.7	16.6	18.15	9.34	2,237,520
21	HTG	22/01/2026	45	42	46	9.52	17,880
22	BMS	22/01/2026	13.5	12.4	13.6	9.68	148,940
23	NAB	22/01/2026	14.7	13.95	15.3	9.68	1,260,580
24	SBA	22/01/2026	30.1	27.5	30.2	9.82	22,920
25	BSA	22/01/2026	22.6	21.3	23.1	9.84	9,200
26	NTC	22/01/2026	157.4	152.2	167.3	9.92	36,120



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009